

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH
THÁNG 2 NĂM 2024

STT	Nội dung	Tồn đầu kỳ mang sang	Thu	Chi	Tồn	Ghi chú
I	Nguồn ngân sách cấp	12.663.472.719	0	602.639.810	12.060.832.909	
01	Nguồn NS cấp 12	3.286.896.170		198.989.094	3.087.907.076	
02	Nguồn NS cấp 13	4.403.088.427		334.563.716	4.068.524.711	
03	Nguồn NS cấp 14	4.973.488.122		69.087.000	4.904.401.122	
II	Thu thỏa thuận-Thu SN khác	205.266.828	314.988.320	316.252.808	204.002.340	
01	Học phí	30.559.509	97.520.000	75.207.760	52.871.749	
02	Tổ chức và QL Bán trú	9.079.048	72.056.000	76.650.916	4.484.132	
03	Phục vụ ăn sáng	4.864.504	31.180.000	31.259.392	4.785.112	
04	Thiết bị vật dụng bán trú	17.938.836	344.000		18.282.836	
05	Vệ sinh phí	10.618.818	8.344.000	9.212.500	9.750.318	
06	Tiền hoạt động năng khiếu	1.719.031			1.719.031	
07	Tiền HDNV nuôi dưỡng	108.623.000	45.853.000	66.238.400	88.237.600	
08	Lãi ngân hàng	286.488	49.820		336.308	
09	Anh văn	5.839.700	23.760.000	24.803.000	4.796.700	
10	Đàn	2.165.620	5.757.000	5.254.560	2.668.060	
11	Nhịp điệu	4.967.140	9.205.500	8.431.140	5.741.500	
12	Võ	4.084.374	7.210.500	6.612.540	4.682.334	
13	Vẽ	4.520.760	13.708.500	12.582.600	5.646.660	
III	Thu hộ - Chi hộ	300.711.440	268.650.300	297.251.089	272.110.651	
01	Tiền ăn bán trú	52.823.262	183.120.000	206.335.750	29.607.512	
02	Tiền ăn sáng	70.867.485	78.863.000	87.915.339	61.815.146	
03	Học phẩm	2.299.042	100.000		2.399.042	
04	Nước uống	3.754.662	3.581.000	3.000.000	4.335.662	
05	Bảo hiểm tai nạn học sinh	450.000			450.000	
06	Kinh phí CSSKBD học sinh	34.617.295			34.617.295	
07	Thu hộ khác (TT 16)	34.579.194	2.526.300		37.105.494	
08	Tiền học liệu, học cụ	99.355.500	460.000		99.815.500	
09	Khám sức khỏe ban đầu	1.965.000			1.965.000	
10	Tiền học sinh tham quan dã ngoại	0			0	
IV	Các khoản hề	330.589	0	0	330.589	
01	Tiền ăn hề	201.753	0	0	201.753	
02	Tiền ăn sáng hề	128.836	0	0	128.836	
V	Các quỹ	990.878.385	2.351.300	1.800.000	991.429.685	
01	Quỹ khen thưởng	272.118.612			272.118.612	
02	Quỹ phúc lợi	566.156.183			566.156.183	
03	Quỹ PTHĐSNghiep	82.951.966		1.800.000	81.151.966	
04	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	32.834.810			32.834.810	
05	Quỹ bổ sung thu nhập	4.950.000			4.950.000	
06	Quỹ khác	22.310.000			22.310.000	
07	Quỹ tiền mặt	9.556.814	2.351.300		11.908.114	
Tổng cộng (I+II+III+IV)		14.160.659.961	585.989.920	1.217.943.707	13.528.706.174	

Kế toán



Lê Thị Hạnh

Ngày 29 tháng 02 năm 2024
Hiệu trưởng

TRƯỜNG
MẦM NON
HẠNH THÔNG TÂY
Nguyễn Thị Hoàng Mai